

3.1.3.1. Bảo vệ các thành phần môi trường và di sản thiên nhiên

- Bảo vệ môi trường nước mặt, môi trường nước dưới đất và môi trường nước biển

Bảo vệ môi trường nước mặt. Nước mặt là các nguồn nước tồn tại trên bề mặt của đất liền, hay hải đảo. Bảo vệ môi trường nước mặt là tiến hành các hoạt động thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt; quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt; công bố các khu vực môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải; đánh giá hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm; quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích sông liên quốc gia và chia sẻ thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bảo vệ môi trường nước dưới đất. Nước dưới đất hay đôi khi còn được gọi là nước ngầm, là loại nước nằm bên dưới bề mặt đất trong các không gian rỗng của đất và trong các khe nứt của các thành tạo đá, và các không gian rỗng này có sự liên thông với nhau. Bảo vệ môi trường nước dưới đất là các hoạt động quan trắc, đánh giá thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời khi phát hiện có thông số môi trường vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc có sự suy giảm mực nước theo quy định; ngăn ngừa hóa chất độc hại, chất phóng xạ để không bị rò rỉ, phát tán vào nguồn nước dưới đất.

Bảo vệ môi trường nước biển. Nước biển là nước trong các biển hay đại dương. Bảo vệ môi trường nước biển là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá chất lượng nước biển và công bố vùng rủi ro ô nhiễm, vùng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quản lý, ngăn ngừa, giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác nguồn lợi từ biển và hải đảo, hoạt động kinh tế-xã hội khác phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường biển; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và phối hợp giữa cơ quan nhà nước Việt Nam với cơ quan, tổ chức nước ngoài trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá chất lượng môi trường nước biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển xuyên biên giới.

- Bảo vệ môi trường không khí

Là các hoạt động quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục chất lượng môi trường không khí; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí; các nguồn phát thải bụi, khí thải có tác động xấu đến môi trường không khí để tiến hành các biện pháp thông báo, cảnh báo kịp thời, kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm và xử lý các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường đất

Là các hoạt động tiến hành xem xét, đánh giá các quy hoạch, kế hoạch, dự án và hoạt động có sử dụng đất tác động đến môi trường đất, để có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái, bảo vệ môi trường đất. Quan trắc, điều tra, đánh giá, phân loại các khu vực ô nhiễm môi trường đất do các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân gây ra. Xử lý và buộc các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất gây ô nhiễm môi trường đất phải cải tạo, phục hồi. Xử lý, cải tạo

và phục hồi môi trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

- Bảo vệ di sản thiên nhiên

Di sản thiên nhiên là tập hợp những tài sản tự nhiên nằm trong lãnh thổ của một quốc gia. Di sản thiên nhiên có vẻ đẹp nổi bật, độc đáo hoặc hiếm gặp của thiên nhiên; có giá trị điển hình về quá trình tiến hóa sinh thái, sinh học hoặc nơi cư trú tự nhiên của loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu hoặc chứa đựng các hệ sinh thái đặc thù, đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên hoặc có giá trị đa dạng sinh học đặc biệt khác cần bảo tồn; có đặc điểm nổi bật, độc đáo về địa chất, địa mạo hoặc chứa đựng dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của Trái Đất; có tầm quan trọng đặc biệt trong việc điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, giữ cân bằng sinh thái, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

Di sản thiên nhiên bao gồm: vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá; di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định.

Bảo vệ di sản thiên nhiên là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; phục hồi di sản thiên nhiên, tiến hành các biện pháp kiểm soát nhằm bảo đảm khai thác và sử dụng một cách hợp lý các di sản thiên nhiên. Mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ di sản thiên nhiên.